

KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1793/QĐ-KTNN

Hà Nội, ngày 04 tháng 11 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**BAN HÀNH QUY ĐỊNH VỀ TIÊU CHÍ, THANG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ VÀ TIÊU CHUẨN XẾP
LOẠI CHẤT LƯỢNG THÀNH VIÊN ĐOÀN KIỂM TOÁN, TỔ KIỂM TOÁN VÀ ĐOÀN
KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC**

TỔNG KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Kiểm toán nhà nước;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chế độ và Kiểm soát chất lượng kiểm toán,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về tiêu chí, thang điểm đánh giá và tiêu chuẩn xếp loại chất lượng Thành viên đoàn kiểm toán, Tổ kiểm toán và Đoàn kiểm toán nhà nước.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1943/QĐ-KTNN ngày 06/12/2011 của Tổng Kiểm toán nhà nước.

Điều 3. Vụ trưởng Vụ Chế độ và Kiểm soát chất lượng kiểm toán, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Kiểm toán nhà nước, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

TỔNG KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lãnh đạo KTNN;
- Lưu: VT, CD.

Hồ Đức Phúc

QUY ĐỊNH

VỀ TIÊU CHÍ, THANG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ VÀ TIÊU CHUẨN XẾP LOẠI CHẤT LƯỢNG
THÀNH VIÊN ĐOÀN KIỂM TOÁN, TỔ KIỂM TOÁN VÀ ĐOÀN KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC
(Ban hành theo Quyết định số 1793/QĐ-KTNN ngày 04/11/2016 của Tổng KTNN)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định đối tượng, nội dung và trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong việc chấm điểm, đánh giá, xếp loại chất lượng kiểm toán của Thành viên đoàn KTNN, Tổ kiểm toán, Đoàn KTNN; tiêu chí, thang điểm chất lượng và tiêu chuẩn xếp loại Thành viên đoàn KTNN, Tổ kiểm toán, Đoàn KTNN; điều kiện, tiêu chuẩn và thủ tục lựa chọn cuộc kiểm toán chất lượng của KTNN.

2. Đối tượng áp dụng

- a) Các Đoàn KTNN.
- b) Các KTNN chuyên ngành, khu vực.
- c) Vụ Chế độ và Kiểm soát chất lượng kiểm toán.
- d) Vụ Tổng hợp.
- đ) Thanh tra KTNN.
- e) Ban Thi đua - Khen thưởng.

Điều 2. Mục đích áp dụng

1. Đánh giá, xếp loại Thành viên đoàn KTNN, Tổ kiểm toán và Đoàn KTNN làm cơ sở để đánh giá, xếp loại công chức và bình xét thi đua hàng năm.
2. Đánh giá, xếp loại cuộc kiểm toán, lựa chọn cuộc kiểm toán chất lượng vàng để khen thưởng kịp thời các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong hoạt động kiểm toán của KTNN.
3. Góp phần tăng cường quản lý hoạt động kiểm toán, nâng cao chất lượng, hiệu quả kiểm toán, hạn chế những tồn tại yếu kém trong công tác kiểm toán.

Điều 3. Căn cứ đánh giá chất lượng cuộc kiểm toán

1. Luật KTNN và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến hoạt động kiểm toán của KTNN; các chuẩn mực, quy trình kiểm toán và quy định khác liên quan đến hoạt động kiểm toán của KTNN.

2. Hồ sơ kiểm toán và thông tin, tài liệu có liên quan đến cuộc kiểm toán.

Điều 4. Đối tượng và nội dung đánh giá

1. Đối tượng đánh giá

a) Thành viên đoàn KTNN (*Thành viên đoàn KTNN có thể tham gia nhiều Tổ kiểm toán khác nhau trong một Đoàn KTNN nên đánh giá theo kết quả của Thành viên Đoàn KTNN đạt được trong cả cuộc kiểm toán*).

b) Tổ kiểm toán (*Tổ kiểm toán xác định theo đơn vị được kiểm toán có tên trong kế hoạch cuộc kiểm toán*).

c) Đoàn KTNN.

2. Nội dung đánh giá

a) Thành viên đoàn KTNN

- Tuân thủ pháp luật và các quy định của KTNN.
- Tuân thủ kế hoạch kiểm toán chi tiết.
- Tiến độ thực hiện nhiệm vụ.
- Ghi chép nhật ký và các tài liệu làm việc khác.
- Thu thập, đánh giá và quản lý bằng chứng kiểm toán.
- Quản lý, lưu trữ hồ sơ kiểm toán.
- Lập Biên bản xác nhận số liệu và tình hình kiểm toán.
- Chấp hành sự phân công, chỉ đạo của cấp trên và thực hiện chế độ báo cáo; thái độ làm việc và phối hợp công tác.
- Kết quả kiểm toán đạt được của Thành viên đoàn KTNN.

b) Tổ kiểm toán

- Tuân thủ pháp luật và các quy định của KTNN.

- Xây dựng kế hoạch kiểm toán chi tiết.
- Tổ chức thực hiện kế hoạch kiểm toán chi tiết.
- Tiến độ thực hiện các nội dung kiểm toán.
- Thu thập, đánh giá và quản lý bằng chứng kiểm toán.
- Lập và ghi chép tài liệu làm việc của Tổ kiểm toán.
- Quản lý, kiểm tra, soát xét hoạt động kiểm toán.
- Lập, thông qua biên bản kiểm toán và thông báo kết quả kiểm toán tại đơn vị được kiểm toán chi tiết.
- Quản lý, lưu trữ hồ sơ kiểm toán.
- Chấp hành sự phân công, chỉ đạo của cấp trên và thực hiện chế độ báo cáo; thái độ và tinh thần phối hợp công tác.
- Kết quả kiểm toán đạt được của Tổ kiểm toán.

c) Đoàn KTNN

- Tuân thủ Luật KTNN và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến hoạt động kiểm toán của KTNN.
- Xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch cuộc kiểm toán.
- Xây dựng, phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch kiểm toán chi tiết.
- Ghi chép Nhật ký làm việc; lập và ghi chép các tài liệu làm việc kiểm toán; thu thập, xử lý, lưu trữ bằng chứng kiểm toán.
- Lập, duyệt và thông qua Biên bản kiểm toán.
- Lập, xét duyệt và phát hành Báo cáo kiểm toán, Thông báo kết quả kiểm toán.
- Tổ chức quản lý và kiểm tra, soát xét hoạt động kiểm toán.
- Kết quả kiểm toán đạt được của Đoàn KTNN.

Chương II

TIÊU CHÍ, THANG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ VÀ TIÊU CHUẨN XẾP LOẠI CHẤT LƯỢNG THÀNH VIÊN ĐOÀN KIỂM TOÁN, TỔ KIỂM TOÁN VÀ ĐOÀN KTNN

Mục I. TIÊU CHÍ, THANG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ VÀ TIÊU CHUẨN XẾP LOẠI CHẤT LƯỢNG THÀNH VIÊN ĐOÀN KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC

Điều 5. Tiêu chí, thang điểm đánh giá chất lượng Thành viên đoàn kiểm toán nhà nước

Đánh giá Thành viên đoàn KTNN theo thang điểm 100, và được phân bổ cho các tiêu chí cụ thể như sau:

1. Tuân thủ pháp luật và các quy định có liên quan của KTNN: tối đa 15 điểm.

Yêu cầu: Chấp hành tốt đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của nhà nước; Tuân thủ quy định về đạo đức nghề nghiệp, quy tắc ứng xử, quy chế tổ chức và hoạt động của Đoàn KTNN, bảo mật và an toàn thông tin kiểm toán và các quy định khác có liên quan của KTNN.

2. Thực hiện nhiệm vụ được giao với chất lượng cao và đúng tiến độ quy định: Tối đa 75 điểm.

a) Tuân thủ kế hoạch kiểm toán chi tiết: Tối đa 10 điểm.

Yêu cầu: Thành viên đoàn KTNN tuân thủ đúng nội dung kiểm toán được phân công; thực hiện đúng phương pháp, thủ tục, phạm vi, giới hạn, thời gian, địa điểm, đơn vị được kiểm toán.

b) Thực hiện nhiệm vụ được phân công: Tối đa 15 điểm.

Yêu cầu: Hoàn thành đầy đủ nội dung được phân công, đúng tiến độ theo kế hoạch kiểm toán chi tiết được duyệt.

c) Ghi chép nhật ký, các tài liệu làm việc khác; quản lý, lưu trữ hồ sơ kiểm toán: Tối đa 10 điểm.

Yêu cầu: Thành viên đoàn KTNN ghi nhật ký làm việc, lập và ghi chép các tài liệu làm việc khác đầy đủ, đúng thời gian, trình tự, quy định, đảm bảo sự thống nhất; quản lý, lưu trữ đầy đủ hồ sơ kiểm toán phù hợp với nhiệm vụ kiểm toán đã thực hiện.

d) Thu thập, đánh giá và quản lý bằng chứng kiểm toán: Tối đa 20 điểm.

Yêu cầu: Thành viên đoàn KTNN thu thập đầy đủ bằng chứng kiểm toán theo từng nội dung kiểm toán đã thực hiện; bằng chứng kiểm toán phù hợp với đánh giá, kết luận kiểm toán; bằng chứng kiểm toán và các tài liệu làm việc lưu trữ quản lý đầy đủ theo quy định của KTNN.

e) Biên bản xác nhận số liệu và tình hình kiểm toán: Tối đa 20 điểm.

Yêu cầu: Phản ánh đầy đủ, chính xác, trung thực khách quan kết quả, kiểm toán; đánh giá tính tuân thủ pháp luật, tính kinh tế, hiệu lực hiệu quả trong quản lý sử dụng các nguồn lực kinh tế theo nội dung được phân công; nội dung, thể thức và trình bày tuân thủ chuẩn mực kiểm toán và quy định của KTNN.

3. Chấp hành sự phân công, chỉ đạo của cấp trên và thực hiện chế độ báo cáo; thái độ làm việc có tinh thần trách nhiệm, phối hợp công tác với các đồng nghiệp, các đơn vị trong và ngoài cơ quan: Tối đa 10 điểm.

Yêu cầu: Thành viên đoàn KTNN chấp hành đầy đủ sự phân công, điều hành và chỉ đạo của Tổ trưởng, Trưởng đoàn KTNN, Lãnh đạo KTNN; thực hiện chế độ báo cáo đầy đủ, đúng thời hạn, đảm bảo yêu cầu về chất lượng; có tinh thần đoàn kết, hợp tác hiệu quả, phối hợp chặt chẽ với đồng nghiệp, cơ quan, đơn vị có liên quan trong quá trình thực hiện nhiệm vụ kiểm toán.

Điều 6. Tiêu chuẩn xếp loại chất lượng thành viên Đoàn kiểm toán

1. Thành viên Đoàn kiểm toán được xếp loại theo bốn mức: Xuất sắc, Khá, Đạt và Chất lượng còn hạn chế.

2. Tiêu chuẩn xếp loại chất lượng Thành viên đoàn KTNN

a) Thành viên đoàn KTNN được xếp loại “Xuất sắc” nếu đạt các tiêu chuẩn sau:

- Đạt từ 90 điểm chất lượng trở lên.

- Không có đơn, thư khiếu nại, tố cáo (*hoặc có nhưng không đúng*) phản ánh tới Lãnh đạo KTNN và các đơn vị về các hành vi vi phạm: sách nhiễu, gây khó khăn, phiền hà, tiêu cực, tham nhũng, tham ô, lãng phí, lợi dụng chức vụ quyền hạn để vụ lợi, báo cáo sai lệch kết quả kiểm toán, tiết lộ bí mật nhà nước bí mật nghề nghiệp...; không có vi phạm kỷ luật, kỷ cương, Quy chế tổ chức hoạt động của đoàn kiểm toán, quy tắc ứng xử, gây mất đoàn kết nội bộ; không bị kỷ luật trong quá trình thực hiện kiểm toán.

- Có kết quả kiểm toán cao, nổi bật theo từng lĩnh vực:

+ Kiểm toán tài chính: Có phát hiện xử lý tài chính trên 2.000 trđ; hoặc có các phát hiện làm thay đổi kết quả kinh doanh, xử lý khác trên 10.000 trđ (*trong đó: kiểm toán chi phí xây lắp có phát hiện xử lý tài chính trên 2% giá trị được kiểm toán; đối chiếu thuế với người nộp thuế có trên 90% đơn vị được đối chiếu có kết quả tăng thu, hoặc giảm lỗ; kiểm toán doanh nghiệp, đơn vị dự toán có trên 90% đơn vị được kiểm toán có kết quả*); hoặc có phát hiện kiểm toán quan trọng đủ điều kiện chuyển hồ sơ cho cơ quan điều tra; hoặc có nhiều kiến nghị sửa đổi chính sách chế độ.

+ Kiểm toán chuyên đề, kiểm toán chương trình, kiểm toán hoạt động,...: Có phát hiện kiểm toán nổi bật, có nhiều phát hiện quan trọng; hoặc có nhiều kiến nghị sửa đổi chính sách chế độ.

- Đối với Tổ trưởng tổ kiểm toán: Từ 50% số đơn vị được giao làm Tổ trưởng trong cuộc kiểm toán đạt xuất sắc.

- Đối với Trưởng đoàn kiểm toán và Phó trưởng đoàn không kiêm Tổ trưởng Tổ kiểm toán: Đoàn kiểm toán phải đạt xuất sắc.

b) Thành viên đoàn KTNN được xếp loại “Khá” nếu đạt các tiêu chuẩn sau:

- Đạt từ 70 điểm chất lượng trở lên.

- Không có đơn, thư khiếu nại, tố cáo (*hoặc có nhưng không đúng*) phản ánh tới Lãnh đạo KTNN và các đơn vị về các hành vi vi phạm: sách nhiễu, gây khó khăn, phiền hà, tiêu cực, tham nhũng, tham ô, lãng phí, lợi dụng chức vụ quyền hạn để vụ lợi, báo cáo sai lệch kết quả kiểm toán, tiết lộ bí mật nhà nước bí mật nghề nghiệp...; không có vi phạm kỷ luật, kỷ cương, Quy chế tổ chức hoạt động của đoàn kiểm toán, quy tắc ứng xử, gây mất đoàn kết nội bộ; không bị kỷ luật trong quá trình thực hiện kiểm toán.

- Thành viên đoàn kiểm toán có kết quả kiểm toán khá trở lên:

+ Kiểm toán tài chính: Có phát hiện xử lý tài chính trên 500 trđ; hoặc có các phát hiện thay đổi kết quả kinh doanh, xử lý khác trên 2.500 trđ (*trong đó: kiểm toán chi phí xây lắp có phát hiện xử lý tài chính trên 1% giá trị được kiểm toán; đối chiếu thuế với người nộp thuế có trên 70% đơn vị được đối chiếu có kết quả tăng thu, hoặc giảm lỗ; kiểm toán doanh nghiệp, đơn vị dự toán có trên 70% đơn vị được kiểm toán có kết quả*); hoặc có các phát hiện kiểm toán quan trọng đủ điều kiện chuyển hồ sơ cho cơ quan điều tra; hoặc có kiến nghị sửa đổi chính sách, chế độ.

+ Kiểm toán chuyên đề, kiểm toán chương trình, kiểm toán hoạt động...: Có phát hiện kiểm toán nổi bật, có nhiều phát hiện quan trọng; có kiến nghị sửa đổi chính sách, chế độ.

- Đối với Tổ trưởng tổ kiểm toán: Từ 50% số đơn vị được giao làm Tổ trưởng trong cuộc kiểm toán đạt Tổ kiểm toán khá trở lên.

- Đối với Trưởng đoàn kiểm toán và Phó trưởng đoàn không kiêm Tổ trưởng Tổ kiểm toán: Đoàn kiểm toán phải đạt khá trở lên.

c) Thành viên đoàn KTNN được xếp loại “Đạt” nếu đạt các tiêu chuẩn sau:

- Đạt từ 60 điểm chất lượng trở lên.

- Không có đơn, thư khiếu nại, tố cáo (*hoặc có nhưng không đúng*) phản ánh tới Lãnh đạo KTNN và các đơn vị về các hành vi vi phạm: sách nhiễu, gây khó khăn, phiền hà, tiêu cực, tham nhũng, tham ô, lãng phí, lợi dụng chức vụ quyền hạn để vụ lợi, báo cáo sai lệch kết quả kiểm toán, tiết lộ bí mật nhà nước bí mật nghề nghiệp...; không có vi phạm kỷ luật, kỷ cương, Quy chế tổ chức hoạt động của đoàn kiểm toán, quy tắc ứng xử, gây mất đoàn kết nội bộ; không bị kỷ luật trong quá trình thực hiện kiểm toán.

- Thành viên đoàn kiểm toán có kết quả kiểm toán ở mức trung bình trở lên:

+ Kiểm toán tài chính: Có phát hiện xử lý tài chính trên 50 trđ; hoặc có các phát hiện làm thay đổi kết quả kinh doanh, xử lý khác trên 250 trđ (*trong đó đối với kiểm toán các lĩnh vực: kiểm toán các chi phí xây lắp có phát hiện xử lý tài chính trên 1% giá trị được kiểm toán; đối chiếu thuế với người nộp thuế có trên 50% đơn vị được đối chiếu có kết quả tăng thu, hoặc giảm lỗ; kiểm toán doanh nghiệp và đơn vị dự toán có trên 50% đơn vị được kiểm toán có kết quả*); hoặc có các phát hiện kiểm toán quan trọng đủ điều kiện chuyển hồ sơ cho cơ quan điều tra; hoặc có kiến nghị sửa đổi chính sách chế độ.

+ Kiểm toán chuyên đề, kiểm toán chương trình, kiểm toán hoạt động: Có phát hiện kiểm toán 50% nội dung được phân công trở lên.

- Đối với Tổ trưởng tổ kiểm toán: Từ 50% số đơn vị được giao làm Tổ trưởng trong cuộc kiểm toán xếp loại đạt trở lên.

- Đối với Trưởng đoàn kiểm toán và Phó trưởng đoàn không kiêm Tổ trưởng Tổ kiểm toán: Đoàn kiểm toán phải xếp loại đạt trở lên.

d) Thành viên đoàn KTNN xếp loại “Chất lượng còn hạn chế” nếu có một trong những tiêu chuẩn sau:

- Đạt dưới 60 điểm chất lượng.

- Có có đơn, thư khiếu nại, tố cáo (*đúng như trong đơn*) phản ánh tới Lãnh đạo KTNN và các đơn vị về các hành vi vi phạm: sách nhiễu, gây khó khăn, phiền hà, tiêu cực, tham nhũng, tham ô, lãng phí, lợi dụng chức vụ quyền hạn để vụ lợi, báo cáo sai lệch kết quả kiểm toán, tiết lộ bí mật nhà nước bí mật nghề nghiệp,...; vi phạm kỷ luật, kỷ cương, Quy chế tổ chức hoạt động của đoàn kiểm toán, quy tắc ứng xử, gây mất đoàn kết nội bộ; bị kỷ luật trong quá trình thực hiện kiểm toán.

- Thành viên đoàn kiểm toán có kết quả kiểm toán thấp:

+ Kiểm toán tài chính: Có phát hiện xử lý tài chính dưới 50 trđ; hoặc có các phát hiện thay đổi kết quả kinh doanh, xử lý khác dưới 250 trđ (*trong đó đối với kiểm toán các lĩnh vực: kiểm toán các chi phí xây lắp có phát hiện xử lý tài chính dưới 1% giá trị được kiểm toán; đối chiếu thuế với người nộp thuế có dưới 50% đơn vị được đối chiếu có kết quả tăng thu, hoặc giảm lỗ; kiểm toán doanh nghiệp và đơn vị dự toán có dưới 50% đơn vị được kiểm toán có kết quả*).

+ Kiểm toán chuyên đề, kiểm toán chương trình, kiểm toán hoạt động,...: Có dưới 50% nội dung kiểm toán được phân công không có phát hiện kiểm toán.

- Đối với Tổ trưởng tổ kiểm toán: Từ 50% số đơn vị được giao làm Tổ trưởng trong cuộc kiểm toán xếp loại chất lượng hạn chế.

- Đối với Trưởng đoàn KTNN và Phó trưởng đoàn không kiêm Tổ trưởng Tổ kiểm toán: Đoàn KTNN xếp loại chất lượng hạn chế.

Mục II. TIÊU CHÍ, THANG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ VÀ TIÊU CHUẨN XẾP LOẠI CHẤT LƯỢNG TỔ KIỂM TOÁN

Điều 7. Tiêu chí, thang điểm đánh giá chất lượng Tổ kiểm toán

Chất lượng của Tổ kiểm toán được đánh theo thang 100 điểm và được phân bổ cụ thể cho các tiêu chí như sau:

1. Tuân thủ pháp luật và các quy định của KTNN: tối đa 10 điểm

a) Tuân thủ pháp luật: Tối đa 5 điểm.

Yêu cầu: Các thành viên của Tổ kiểm toán chấp hành đúng đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của nhà nước.

b) Tuân thủ các quy định của KTNN: Tối đa 5 điểm.

Yêu cầu: Tổ kiểm toán và các thành viên của Tổ kiểm toán chấp hành đúng Luật KTNN, Quy trình kiểm toán, Hệ thống chuẩn mực KTNN, Hồ sơ mẫu biểu, Quy chế tổ chức và hoạt động của Đoàn KTNN, quy định về bảo mật và an toàn thông tin kiểm toán và các quy định khác của ngành.

2. Xây dựng kế hoạch kiểm toán chi tiết: Tối đa 10 điểm.

Yêu cầu: Tổ kiểm toán xây dựng Kế hoạch kiểm toán chi tiết phù hợp với Kế hoạch cuộc kiểm toán; thu thập đầy đủ thông tin cần thiết; xác định đúng trọng tâm (*hoặc trọng yếu kiểm toán*), phương pháp, thủ tục kiểm toán, phạm vi, giới hạn, thời gian, địa điểm, đơn vị được kiểm toán; phân công cụ thể nhiệm vụ kiểm toán rõ ràng, đúng khả năng của mỗi thành viên.

3. Tổ chức thực hiện kế hoạch kiểm toán chi tiết: Tối đa 10 điểm.

Yêu cầu: Tổ kiểm toán và các thành viên tuân thủ đúng nội dung kiểm toán được phân công; thực hiện đúng phương pháp, thủ tục, phạm vi, giới hạn, thời gian, địa điểm, đơn vị được kiểm toán.

4. Thực hiện tiến độ kiểm toán: Tối đa 10 điểm.

Yêu cầu: Tổ kiểm toán thực hiện hoàn thành đầy đủ các nội dung theo đúng thời gian đã được phê duyệt trong Kế hoạch cuộc kiểm toán và Kế hoạch kiểm toán chi tiết được phê duyệt.

5. Thu thập, đánh giá và quản lý bằng chứng kiểm toán: Tối đa 10 điểm.

Yêu cầu: Tổ kiểm toán phải thu thập bằng chứng kiểm toán đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho việc hình thành các kết quả, kết luận, kiến nghị kiểm toán và các thay đổi về kết quả, kết luận, kiến nghị kiểm toán (nếu có); các bằng chứng kiểm toán phải được quản lý, lưu trữ đầy đủ theo quy định của KTNN.

6. Lập và ghi chép tài liệu làm việc của Tổ kiểm toán: Tối đa 10 điểm.

Yêu cầu: Tổ kiểm toán lập các tài liệu làm việc phải đúng mẫu biểu, thời hạn, đầy đủ theo quy định của KTNN.

7. Quản lý, kiểm tra, soát xét hoạt động kiểm toán: Tối đa 10 điểm.

Yêu cầu: Tổ kiểm toán duy trì thường xuyên hoạt động quản lý, kiểm tra, soát xét đúng trình tự, thủ tục, nội dung theo Quy chế kiểm soát chất lượng kiểm toán và các quy định của KTNN; đảm bảo chất lượng kiểm tra, kiểm soát.

8. Quản lý, lưu trữ hồ sơ kiểm toán: Tối đa 10 điểm.

Yêu cầu: Tổ kiểm toán phải quản lý, sắp xếp, lưu trữ đầy đủ, khoa học hồ sơ kiểm toán, bằng chứng kiểm toán theo quy định của KTNN.

9. Biên bản kiểm toán và thông báo kết quả kiểm toán tại đơn vị được kiểm toán chi tiết: Tối đa 20 điểm.

Yêu cầu: Biên bản kiểm toán tổng hợp đủ kết quả kiểm toán của thành viên Tổ kiểm toán, có đầy đủ ý kiến đánh giá các nội dung kiểm toán; có đầy đủ kết luận kiểm toán phù hợp với kết quả kiểm toán; có các kiến nghị kiểm toán (nếu có) phù hợp với kết quả và kết luận kiểm toán, đúng đối tượng và khả thi; nội dung, thể tuân thủ chuẩn mực kiểm toán và quy định hiện hành của KTNN. Thông báo kết quả kiểm toán tổng hợp đầy đủ kết quả kiểm toán quan trọng, có đầy đủ bằng chứng kiểm toán; kiến nghị kiểm toán phù hợp với kết quả kiểm toán và báo cáo kiểm toán của đoàn kiểm toán.

Điều 8. Tiêu chuẩn xếp loại chất lượng Tổ kiểm toán

1. Tổ kiểm toán được xếp loại chất lượng theo bốn mức: Xuất sắc, Khá, Đạt và Chất lượng còn hạn chế.

2. Tiêu chuẩn xếp loại chất lượng Tổ kiểm toán

a) Tổ kiểm toán được xếp loại “Xuất sắc” nếu đạt các tiêu chuẩn sau:

- Đạt từ 90 điểm chất lượng trở lên.

- Tổ kiểm toán và các thành viên trong Tổ kiểm toán: Không có đơn, thư khiếu nại, tố cáo (hoặc có nhưng không đúng) phản ánh tới Lãnh đạo KTNN và các đơn vị về các hành vi vi phạm: sách nhiễu, gây khó khăn, phiền hà, tiêu cực, tham nhũng, tham ô, lãng phí, lợi dụng chức

vụ quyền hạn để vụ lợi, báo cáo sai lệch kết quả kiểm toán, tiết lộ bí mật nhà nước bí mật nghề nghiệp,...; không có vi phạm kỷ luật, kỷ cương, Quy chế tổ chức hoạt động của đoàn kiểm toán, quy tắc ứng xử, gây mất đoàn kết nội bộ; không bị kỷ luật trong quá trình thực hiện kiểm toán.

- Có kết quả kiểm toán đạt cao và nổi bật theo từng lĩnh vực:

+ Kiểm toán ngân sách địa phương: Có kết quả xử lý tài chính trên: 20.000 trđ (trong đó: kiểm toán chi phí xây lắp có phát hiện xử lý tài chính trên 2% giá trị được kiểm toán; đối chiếu thuế với người nộp thuế có trên 90% đơn vị được đối chiếu có kết quả tăng thu, hoặc giảm lỗ; kiểm toán doanh nghiệp, đơn vị dự toán có trên 90% đơn vị được kiểm toán có kết quả); hoặc có các phát hiện sai sót quan trọng đủ điều kiện chuyển hồ sơ cho cơ quan điều tra; hoặc có nhiều kiến nghị sửa đổi chính sách chế độ.

+ Kiểm toán ngân sách bộ ngành: Có kết quả xử lý tài chính trên 10.000 trđ (trong đó: kiểm toán chi phí xây lắp có phát hiện xử lý tài chính trên 2% giá trị được kiểm toán; kiểm toán doanh nghiệp, đơn vị dự toán có trên 90% đơn vị được kiểm toán có kết quả); hoặc có các phát hiện sai sót quan trọng đủ điều kiện chuyển hồ sơ cho cơ quan điều tra; hoặc có nhiều kiến nghị sửa đổi chính sách chế độ.

+ Kiểm toán dự án đầu tư: Có kết quả xử lý tài chính 10.000 trđ (trong đó kiểm toán chi phí xây lắp có phát hiện xử lý tài chính trên 2% giá trị được kiểm toán); hoặc có các phát hiện sai sót quan trọng đủ điều kiện chuyển hồ sơ cho cơ quan điều tra; hoặc có nhiều kiến nghị sửa đổi chính sách chế độ.

+ Kiểm toán doanh nghiệp và các tổ chức tài chính ngân hàng: Có kết quả xử lý tài chính trên: 5.000 trđ; hoặc tăng lãi, giảm lỗ, xử lý khác trên: 25.000 trđ; hoặc có các phát hiện sai sót quan trọng đủ điều kiện chuyển hồ sơ cho cơ quan điều tra; hoặc có nhiều kiến nghị sửa đổi chính sách chế độ.

+ Các lĩnh vực kiểm toán chuyên đề, kiểm toán chương trình, kiểm toán hoạt động...: Có kết quả phát hiện kiểm toán nổi bật; có nhiều kiến nghị sửa đổi chính sách chế độ và kiến nghị khác quan trọng; phát hiện sai sót quan trọng đủ điều kiện chuyển hồ sơ cho cơ quan điều tra.

b) Tổ kiểm toán được xếp loại “Khá” nếu đạt các tiêu chuẩn sau:

- Đạt từ 70 điểm chất lượng trở lên.

- Tổ kiểm toán và các thành viên trong Tổ kiểm toán: Không có đơn, thư khiếu nại, tố cáo (hoặc có nhưng không đúng) phản ánh tới Lãnh đạo KTNN và các đơn vị về các hành vi vi phạm: sách nhiễu, gây khó khăn, phiền hà, tiêu cực, tham nhũng, tham ô, lãng phí, lợi dụng chức vụ quyền hạn để vụ lợi, báo cáo sai lệch kết quả kiểm toán, tiết lộ bí mật nhà nước bí mật nghề nghiệp,...; không có vi phạm kỷ luật, kỷ cương, Quy chế tổ chức hoạt động của đoàn kiểm toán, quy tắc ứng xử, gây mất đoàn kết nội bộ; không bị kỷ luật trong quá trình thực hiện kiểm toán.

- Có kết quả kiểm toán khá theo từng lĩnh vực:

+ Kiểm toán ngân sách địa phương: Có kết quả xử lý tài chính trên: 10.000 trđ (trong đó: kiểm toán chi phí xây lắp có phát hiện xử lý tài chính trên 1% giá trị được kiểm toán; đối chiếu thuế với người nộp thuế có trên 70% đơn vị được đối chiếu có kết quả tăng thu, hoặc giảm lỗ; kiểm toán doanh nghiệp, đơn vị dự toán có trên 70% đơn vị được kiểm toán có kết quả); hoặc có các phát hiện sai sót quan trọng đủ điều kiện chuyển hồ sơ cho cơ quan điều tra; hoặc có nhiều kiến nghị sửa đổi chính sách chế độ.

+ Kiểm toán ngân sách bộ ngành: Có kết quả xử lý tài chính trên 5.000 trđ (trong đó: kiểm toán chi phí xây lắp có phát hiện xử lý tài chính trên 1% giá trị được kiểm toán; kiểm toán doanh nghiệp, đơn vị dự toán có trên 70% đơn vị được kiểm toán có kết quả); hoặc có các phát hiện sai sót quan trọng đủ điều kiện chuyển hồ sơ cho cơ quan điều tra; hoặc có kiến nghị sửa đổi chính sách chế độ.

+ Kiểm toán dự án đầu tư: Có kết quả xử lý tài chính 5.000 trđ (trong đó: kiểm toán chi phí xây lắp có phát hiện xử lý tài chính trên 1% giá trị được kiểm toán); hoặc có các phát hiện sai sót quan trọng đủ điều kiện chuyển hồ sơ cho cơ quan điều tra; hoặc có nhiều kiến nghị sửa đổi chính sách chế độ.

+ Kiểm toán doanh nghiệp và các tổ chức tài chính ngân hàng: Có kết quả xử lý tài chính trên: 1.000 trđ, hoặc thay đổi kết quả kinh doanh, xử lý khác trên: 5.000 trđ; hoặc có các phát hiện sai sót quan trọng đủ điều kiện chuyển hồ sơ cho cơ quan điều tra; hoặc có nhiều kiến nghị sửa đổi chính sách chế độ.

+ Các lĩnh vực kiểm toán chuyên đề, kiểm toán chương trình, kiểm toán hoạt động...: Có kết quả phát hiện kiểm toán nổi bật, có nhiều kiến nghị sửa đổi chính sách chế độ và kiến nghị khác quan trọng; hoặc có các phát hiện sai sót quan trọng đủ điều kiện chuyển hồ sơ cho cơ quan điều tra.

c) Tổ kiểm toán được xếp loại “Đạt” nếu đạt các tiêu chuẩn sau:

- Đạt từ 60 điểm chất lượng trở lên.

- Tổ kiểm toán và các thành viên trong Tổ kiểm toán: Không có đơn, thư khiếu nại, tố cáo (hoặc có nhưng không đúng) phản ánh tới Lãnh đạo KTNN và các đơn vị về các hành vi vi phạm: sách nhiễu, gây khó khăn, phiền hà, tiêu cực, tham nhũng, tham ô, lãng phí, lợi dụng chức vụ quyền hạn để vụ lợi, báo cáo sai lệch kết quả kiểm toán, tiết lộ bí mật nhà nước bí mật nghề nghiệp,...; không có vi phạm kỷ luật, kỷ cương, Quy chế tổ chức hoạt động của đoàn kiểm toán, quy tắc ứng xử, gây mất đoàn kết nội bộ; không bị kỷ luật trong quá trình thực hiện kiểm toán.

- Tổ kiểm toán có kết quả kiểm toán đạt mức trung bình trở lên theo từng lĩnh vực:

+ Kiểm toán ngân sách địa phương: Có kết quả xử lý tài chính trên 1.000 trđ (đối với kiểm toán ngân sách huyện); trên 50 trđ (đối với kiểm toán doanh nghiệp và đơn vị dự toán); kiểm toán chi phí xây lắp có phát hiện xử lý tài chính trên 1% giá trị được kiểm toán; đối chiếu thuế với người nộp thuế có trên 50% đơn vị được đối chiếu có kết quả xử lý tài chính, hoặc giảm

lỗi; hoặc có các phát hiện sai sót quan trọng đủ điều kiện chuyển hồ sơ cho cơ quan điều tra; hoặc có kiến nghị sửa đổi chính sách chế độ.

+ Kiểm toán ngân sách bộ ngành: Có kết quả xử lý tài chính trên 50 trđ (*đối với kiểm toán doanh nghiệp và đơn vị dự toán*); kiểm toán chi phí xây lắp có phát hiện xử lý tài chính trên 1% giá trị được kiểm toán; kiểm toán doanh nghiệp, đơn vị dự toán có trên 50% đơn vị được đối chiếu có kết quả xử lý tài chính, hoặc giảm lỗ; hoặc có các phát hiện sai sót quan trọng đủ điều kiện chuyển hồ sơ cho cơ quan điều tra; hoặc có kiến nghị sửa đổi chính sách chế độ.

+ Tổ kiểm toán dự án đầu tư: Có kết quả xử lý tài chính trên 50 trđ (*trong đó: Kiểm toán chi phí xây lắp có phát hiện xử lý tài chính trên 1% giá trị được kiểm toán; kiểm toán các nội dung khác không có phát hiện*); hoặc có các phát hiện sai sót quan trọng đủ điều kiện chuyển hồ sơ cho cơ quan điều tra; hoặc có kiến nghị sửa đổi chính sách chế độ.

+ Kiểm toán doanh nghiệp và các tổ chức tài chính ngân hàng: Có kết quả xử lý tài chính trên: 50 trđ; hoặc thay đổi kết quả kinh doanh, xử lý khác trên: 250 trđ.

+ Các lĩnh vực kiểm toán chuyên đề, kiểm toán chương trình, kiểm toán hoạt động... : Có kết quả phát hiện kiểm toán, kiến nghị sửa đổi chính sách chế độ và kiến nghị khác.

+ Các lĩnh vực và các nội dung kiểm toán khác không thuộc các nội dung trên có kết quả phát hiện kiểm toán.

d) Tổ kiểm toán xếp loại “Chất lượng còn hạn chế” nếu có một trong các tiêu chuẩn sau:

- Đạt dưới 60 điểm chất lượng.

- Tổ kiểm toán và các thành viên trong Tổ kiểm toán: có đơn, thư khiếu nại, tố cáo (*đúng sự thật*) phản ánh tới Lãnh đạo KTNN và các đơn vị về các hành vi vi phạm: sách nhiễu, gây khó khăn, phiền hà, tiêu cực, tham nhũng, tham ô, lãng phí, lợi dụng chức vụ quyền hạn để vụ lợi, báo cáo sai lệch kết quả kiểm toán, tiết lộ bí mật nhà nước bí mật nghề nghiệp...; có vi phạm kỷ luật, kỷ cương, Quy chế tổ chức hoạt động của đoàn kiểm toán, quy tắc ứng xử, gây mất đoàn kết nội bộ; bị kỷ luật trong quá trình thực hiện kiểm toán.

- Tổ kiểm toán có kết quả kiểm toán thấp từng lĩnh vực:

+ Kiểm toán ngân sách địa phương: Có kết quả xử lý tài chính dưới 1.000 trđ (*đối với kiểm toán ngân sách huyện*); dưới 50 trđ (*đối với kiểm toán doanh nghiệp và đơn vị dự toán*); kiểm toán chi phí xây lắp có phát hiện xử lý tài chính dưới 1% giá trị được kiểm toán; đối chiếu thuế với người nộp thuế có dưới 50% đơn vị được đối chiếu có kết quả xử lý tài chính.

+ Kiểm toán ngân sách bộ ngành: có kết quả xử lý tài chính dưới 50 trđ (*đối với kiểm toán doanh nghiệp và đơn vị dự toán*); kiểm toán các gói thầu xây lắp có phát hiện xử lý tài chính dưới 1% giá trị được kiểm toán.

+ Tổ kiểm toán dự án đầu tư: Kiểm toán chi phí xây lắp có phát hiện xử lý tài chính dưới 1% giá trị được kiểm toán; kiểm toán các nội dung khác không có phát hiện.

+ Kiểm toán doanh nghiệp và các tổ chức tài chính ngân hàng: Xử lý tài chính dưới: 50 trđ, hoặc thay đổi kết quả kinh doanh, xử lý khác dưới: 250 trđ.

+ Các lĩnh vực và các nội dung kiểm toán khác không thuộc các nội dung trên không có kết quả phát hiện kiểm toán.

Mục III. TIÊU CHÍ, THANG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ VÀ TIÊU CHUẨN XẾP LOẠI ĐOÀN KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC

Điều 9. Tiêu chí, thang điểm đánh giá chất lượng Đoàn kiểm toán

1. Chất lượng cuộc kiểm toán được đánh giá theo thang điểm 100, trong đó phân bổ cho các tiêu chí:

a) Kế hoạch cuộc kiểm toán: Tối đa 10 điểm.

Yêu cầu về Kế hoạch cuộc kiểm toán: Được lập và phê duyệt trước khi thực hiện cuộc kiểm toán; nội dung và thể thức tuân thủ chuẩn mực kiểm toán và các quy định có liên quan của KTNN.

b) Kế hoạch kiểm toán chi tiết: Tối đa 10 điểm.

Yêu cầu về Kế hoạch kiểm toán chi tiết: Được lập và phê duyệt theo quy định; phải đầy đủ, cụ thể để hướng dẫn công việc cho Tổ kiểm toán và Kiểm toán viên; nội dung và thể thức tuân thủ chuẩn mực kiểm toán và các quy định có liên quan của KTNN.

c) Biên bản kiểm toán và thông báo kết quả kiểm toán tại đơn vị được kiểm toán chi tiết: Tối đa 10 điểm.

Yêu cầu về các Biên bản kiểm toán và thông báo kết quả kiểm toán tại đơn vị kiểm toán chi tiết: Biên bản kiểm toán tổng hợp đầy đủ kết quả kiểm toán của thành viên Tổ kiểm toán, có đủ ý kiến đánh giá các nội dung kiểm toán; có đủ kết luận kiểm toán phù hợp với kết quả kiểm toán; có kiến nghị kiểm toán (nếu có) phù hợp với kết quả và kết luận kiểm toán, đúng đối tượng và khả thi; nội dung, thể thức và việc trình bày tuân thủ chuẩn mực kiểm toán và quy định hiện hành của KTNN. Thông báo kết quả kiểm toán tổng hợp đầy đủ kết quả kiểm toán quan trọng, có đầy đủ bằng chứng kiểm toán; kiến nghị kiểm toán phù hợp với kết quả kiểm toán và báo cáo kiểm toán của đoàn kiểm toán.

d) Báo cáo kiểm toán và thông báo kết quả kiểm toán: Tối đa 20 điểm.

Yêu cầu về Báo cáo kiểm toán và thông báo kết quả kiểm toán: Phản ánh đầy đủ, chính xác, trung thực và khách quan kết quả, kết luận và kiến nghị kiểm toán; xác nhận tính đúng đắn, trung thực của thông tin và báo cáo được kiểm toán; đánh giá việc tuân thủ pháp luật, tính kinh

tế, hiệu lực và hiệu quả trong quản lý, sử dụng các nguồn lực kinh tế tại đơn vị được kiểm toán; nội dung, thể thức và việc trình bày tuân thủ chuẩn mực kiểm toán và các quy định có liên quan của KTNN.

đ) Nhật ký, tài liệu làm việc và bằng chứng kiểm toán: Tối đa 25 điểm.

Yêu cầu về Nhật ký, tài liệu làm việc và bằng chứng kiểm toán: Ghi chép nhật ký, giấy tờ, tài liệu làm việc tuân thủ chuẩn mực kiểm toán và các quy định có liên quan của KTNN; lập và lưu trữ đầy đủ, khoa học theo danh mục hồ sơ kiểm toán; nội dung, thể thức phù hợp với quy định về mẫu biểu hồ sơ kiểm toán; đảm bảo tính thống nhất giữa các tài liệu trong hồ sơ kiểm toán. Bằng chứng kiểm toán đầy đủ, thích hợp để làm cơ sở cho việc hình thành các kết quả, kết luận, kiến nghị kiểm toán và các thay đổi về kết quả, kết luận, kiến nghị kiểm toán (nếu có).

e) Tuân thủ pháp luật và các quy định của KTNN, thực hiện Quy chế và hoạt động của Đoàn KTNN, quy định về đạo đức nghề nghiệp và Quy tắc ứng xử của KTNN: Tối đa 15 điểm.

Thành viên đoàn KTNN không gây sách nhiễu, khó khăn, can thiệp trái pháp luật vào hoạt động bình thường đơn vị được kiểm toán, đưa nhận hối lộ, báo cáo sai lệch, không đầy đủ kết quả kiểm toán, lợi dụng chức vụ, quyền hạn để vụ lợi, tiết lộ các thông tin; thực hiện đầy đủ, đúng các quy định về nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của kiểm toán viên nhà nước tại Luật KTNN, Quy chế tổ chức và hoạt động của Đoàn KTNN và các văn bản khác có liên quan; tuân thủ đầy đủ các quy định về đạo đức nghề nghiệp của kiểm toán viên nhà nước; không làm các công việc ảnh hưởng tới nhân cách hoặc tổn hại kết quả thực hiện công vụ của mình, làm ảnh hưởng đến uy tín của KTNN,...; thực hiện công việc với sự thận trọng và có trách nhiệm giữ bí mật quốc gia, bí mật nghề nghiệp của đơn vị được kiểm toán; bảo vệ các thông tin thu thập được từ các đơn vị kiểm toán và các thông tin nội bộ của KTNN; sử dụng thẻ và sử dụng trang phục theo đúng quy định của KTNN.

g) Quản lý và kiểm tra, soát xét hoạt động kiểm toán: Tối đa 10 điểm.

Yêu cầu về quản lý và kiểm tra, soát xét hoạt động kiểm toán: Tuân thủ Quy chế tổ chức và hoạt động của Đoàn KTNN; kiểm tra, kiểm soát được thực hiện đầy đủ ở các cấp kiểm soát theo quy định Luật KTNN, Quy chế kiểm soát chất lượng kiểm toán và các quy định của KTNN; đúng trình tự, thủ tục kiểm tra, kiểm soát theo quy định; đảm bảo chất lượng kiểm tra, kiểm soát.

Điều 10. Các trường hợp cộng điểm

Cuộc kiểm toán được cộng điểm thưởng trong các trường hợp sau:

1. Thời gian phát hành Báo cáo kiểm toán sớm so với thời hạn quy định

Trong thời gian 45 ngày sau khi kết thúc kiểm toán tại đơn vị, nếu phát hành báo cáo kiểm toán sớm mỗi 01 ngày được cộng thêm 0,5 điểm.

2. Có quy mô lớn và tính chất phức tạp

Đoàn kiểm toán có quy mô lớn (theo Quyết định kiểm toán, Đoàn kiểm toán có từ 40 người trở lên và số đơn vị được kiểm toán từ 30 trở lên) được cộng từ 2 đến 5 điểm; cuộc kiểm toán có tính chất phức tạp cao (đánh giá theo mục tiêu nội dung kiểm toán và những vấn đề phát sinh trong tổ chức thực hiện kiểm toán) được cộng từ 2 đến 10 điểm.

3. Cuộc kiểm toán mới (về đối tượng, nội dung, quy trình, phương pháp...) được cộng 10 điểm; cuộc kiểm toán có các phát hiện kiểm toán mới, phát hiện kiểm toán đặc biệt quan trọng, được cộng từ 5 đến 15 điểm.

(Cơ cấu điểm thưởng chi tiết tại Phụ lục 03)

Điều 11. Tiêu chuẩn xếp loại chất lượng Đoàn kiểm toán nhà nước

1. Đoàn kiểm toán được xếp loại chất lượng theo bốn mức: Xuất sắc, Khá, Đạt và Chất lượng còn hạn chế.

2. Tiêu chuẩn xếp loại chất lượng Đoàn KTNN

a) Đoàn KTNN được xếp loại “Xuất sắc” nếu đạt các tiêu chuẩn sau:

- Đạt từ 90 điểm chất lượng trở lên (gồm cả điểm cộng).

- Đoàn kiểm toán và các thành viên trong Đoàn kiểm toán: Không có đơn, thư khiếu nại, tố cáo (hoặc có nhưng không đúng) phản ánh tới Lãnh đạo KTNN và các đơn vị về các hành vi vi phạm: sách nhiễu, gây khó khăn, phiền hà, tiêu cực, tham nhũng, tham ô, lãng phí, lợi dụng chức vụ quyền hạn để vụ lợi, báo cáo sai lệch kết quả kiểm toán, tiết lộ bí mật nhà nước bí mật nghề nghiệp,...; không có vi phạm kỷ luật, kỷ cương, Quy chế tổ chức hoạt động của đoàn kiểm toán quy tắc ứng xử, gây mất đoàn kết nội bộ; không bị kỷ luật trong quá trình thực hiện kiểm toán.

- Đoàn có kết quả kiểm toán cao, nổi bật:

+ Kiểm toán ngân sách địa phương: Có kết quả xử lý tài chính trên: 70.000 trđ (trong đó: kiểm toán chi phí xây lắp có phát hiện xử lý tài chính trên 2% giá trị được kiểm toán; đối chiếu thuế với người nộp thuế có trên 90% đơn vị được đối chiếu có kết quả tăng thu, hoặc giảm lỗ; kiểm toán doanh nghiệp, đơn vị dự toán có trên 90% đơn vị được kiểm toán có kết quả); hoặc có các phát hiện sai sót quan trọng đủ điều kiện chuyển hồ sơ cho cơ quan điều tra; hoặc có nhiều kiến nghị sửa đổi chính sách, chế độ.

+ Kiểm toán ngân sách bộ ngành: Có kết quả xử lý tài chính trên 30.000 trđ (trong đó: kiểm toán chi phí xây lắp có phát hiện xử lý tài chính trên 2% giá trị được kiểm toán; kiểm toán doanh nghiệp, đơn vị dự toán có trên 90% đơn vị được kiểm toán có kết quả); hoặc có các phát hiện sai sót quan trọng đủ điều kiện chuyển hồ sơ cho cơ quan điều tra; hoặc có nhiều kiến nghị sửa đổi chính sách, chế độ.

+ Kiểm toán dự án đầu tư: Có kết quả xử lý tài chính 30.000 trđ (*trong đó kiểm toán chi phí xây lắp có phát hiện xử lý tài chính trên 2% giá trị được kiểm toán*); hoặc có các phát hiện sai sót quan trọng đủ điều kiện chuyển hồ sơ cho cơ quan điều tra; hoặc có nhiều kiến nghị sửa đổi chính sách, chế độ.

+ Kiểm toán doanh nghiệp và các tổ chức tài chính ngân hàng: Có kết quả xử lý tài chính trên: 30.000 trđ; hoặc thay đổi kết quả kinh doanh, xử lý khác trên: 150.000 trđ; hoặc có các phát hiện sai sót quan trọng đủ điều kiện chuyển hồ sơ cho cơ quan điều tra; hoặc có nhiều kiến nghị sửa đổi chính sách, chế độ.

+ Kiểm toán chuyên đề, kiểm toán chương trình, kiểm toán hoạt động...: Có kết quả phát hiện kiểm toán nổi bật; có các phát hiện sai sót quan trọng đủ điều kiện chuyển hồ sơ cho cơ quan điều tra; hoặc có nhiều kiến nghị sửa đổi chính sách, chế độ.

- Đoàn kiểm toán phải có từ 50% số Tổ kiểm toán được xếp loại xuất sắc và các Tổ kiểm toán còn lại phải xếp loại đạt trở lên.

b) Đoàn KTNN được xếp loại “Khá” nếu đạt các tiêu chuẩn sau

- Đạt từ 70 điểm chất lượng trở lên (gồm cả điểm cộng).

- Đoàn kiểm toán và các thành viên trong Đoàn kiểm toán: Không có đơn, thư khiếu nại, tố cáo (*hoặc có nhưng không đúng*) phản ánh tới Lãnh đạo KTNN và các đơn vị về các hành vi vi phạm: sách nhiễu, gây khó khăn, phiền hà, tiêu cực, tham nhũng, tham ô, lãng phí, lợi dụng chức vụ quyền hạn để vụ lợi, báo cáo sai lệch kết quả kiểm toán, tiết lộ bí mật nhà nước bí mật nghề nghiệp,...; không có vi phạm kỷ luật, kỷ cương, Quy chế tổ chức hoạt động của đoàn kiểm toán, quy tắc ứng xử, gây mất đoàn kết nội bộ; không bị kỷ luật trong quá trình thực hiện kiểm toán.

- Đoàn kiểm toán phải có kết quả kiểm toán khá theo từng lĩnh vực:

+ Kiểm toán ngân sách địa phương: Có kết quả xử lý tài chính trên: 50.000 trđ (*trong đó: kiểm toán chi phí xây lắp có phát hiện xử lý tài chính trên 1% giá trị được kiểm toán; đối chiếu thuế với người nộp thuế có trên 80% đơn vị được đối chiếu có kết quả tăng thu, hoặc giảm lỗ; kiểm toán doanh nghiệp, đơn vị dự toán có trên 80% đơn vị được kiểm toán có kết quả*); hoặc có các phát hiện sai sót quan trọng đủ điều kiện chuyển hồ sơ cho cơ quan điều tra; hoặc có kiến nghị sửa đổi chính sách, chế độ.

+ Kiểm toán ngân sách bộ ngành: Có kết quả xử lý tài chính trên 20.000 trđ (*trong đó: kiểm toán chi phí xây lắp có phát hiện xử lý tài chính trên 1% giá trị được kiểm toán; kiểm toán doanh nghiệp, đơn vị dự toán có trên 80% đơn vị được kiểm toán có kết quả*); hoặc có các phát hiện sai sót quan trọng đủ điều kiện chuyển hồ sơ cho cơ quan điều tra; hoặc có kiến nghị sửa đổi chính sách, chế độ.

+ Kiểm toán dự án đầu tư: Có kết quả xử lý tài chính 20.000 trđ (*trong đó kiểm toán chi phí xây lắp có phát hiện xử lý tài chính trên 1% giá trị được kiểm toán*); hoặc có các phát hiện

sai sót quan trọng đủ điều kiện chuyển hồ sơ cho cơ quan điều tra; hoặc có kiến nghị sửa đổi chính sách, chế độ.

+ Kiểm toán doanh nghiệp và các tổ chức tài chính ngân hàng: có kết quả xử lý tài chính trên: 20.000 trđ; hoặc thay đổi kết quả kinh doanh, xử lý khác trên: 100.000 trđ; hoặc có các phát hiện sai sót quan trọng đủ điều kiện chuyển hồ sơ cho cơ quan điều tra; hoặc có kiến nghị sửa đổi chính sách, chế độ.

+ Đoàn kiểm toán chuyên đề, kiểm toán chương trình, kiểm toán hoạt động...: Có kết quả phát hiện kiểm toán nổi bật, có kiến nghị sửa đổi chính sách chế độ và kiến nghị khác quan trọng; hoặc có các phát hiện sai sót quan trọng đủ điều kiện chuyển hồ sơ cho cơ quan điều tra; hoặc có kiến nghị sửa đổi chính sách, chế độ.

- Đoàn kiểm toán phải có từ 50% số Tổ kiểm toán được xếp loại khá trở lên và các Tổ kiểm toán còn lại phải xếp loại đạt trở lên.

c) Đoàn KTNN được xếp loại “Đạt” nếu đạt các tiêu chuẩn sau:

- Đạt từ 60 điểm chất lượng trở lên (*gồm cả điểm cộng*).

- Đoàn kiểm toán và các thành viên trong Đoàn kiểm toán: Không có đơn, thư khiếu nại, tố cáo (*hoặc có nhưng không đúng*) phản ánh tới Lãnh đạo KTNN và các đơn vị về các hành vi vi phạm: sách nhiễu, gây khó khăn, phiền hà, tiêu cực, tham nhũng, tham ô, lãng phí, lợi dụng chức vụ quyền hạn để vụ lợi, báo cáo sai lệch kết quả kiểm toán, tiết lộ bí mật nhà nước bí mật nghề nghiệp,...; không có vi phạm kỷ luật, kỷ cương, Quy chế tổ chức hoạt động của đoàn kiểm toán, quy tắc ứng xử, gây mất đoàn kết nội bộ; không bị kỷ luật trong quá trình thực hiện kiểm toán.

- Đoàn kiểm toán có kết quả trung bình theo từng lĩnh vực:

+ Kiểm toán ngân sách địa phương: Có kết quả xử lý tài chính trên: 10.000 trđ (*trong đó: kiểm toán chi phí xây lắp có phát hiện xử lý tài chính trên 1% giá trị được kiểm toán; đối chiếu thuế với người nộp thuế có trên 50% đơn vị được đối chiếu có kết quả tăng thu, hoặc giảm lỗ; kiểm toán doanh nghiệp, đơn vị dự toán có trên 50% đơn vị được kiểm toán có kết quả*); hoặc có các phát hiện sai sót quan trọng đủ điều kiện chuyển hồ sơ cho cơ quan điều tra; hoặc có kiến nghị sửa đổi chính sách chế độ.

+ Kiểm toán ngân sách bộ ngành: Có kết quả xử lý tài chính trên 1.000 trđ (*trong đó: kiểm toán chi phí xây lắp có phát hiện xử lý tài chính trên 1% giá trị được kiểm toán; kiểm toán doanh nghiệp, đơn vị dự toán có trên 50% đơn vị được kiểm toán có kết quả*); hoặc có các phát hiện sai sót quan trọng đủ điều kiện chuyển hồ sơ cho cơ quan điều tra; hoặc có kiến nghị sửa đổi chính sách chế độ.

+ Kiểm toán dự án đầu tư: Có kết quả xử lý tài chính 1.000 trđ (*trong đó kiểm toán chi phí xây lắp có phát hiện xử lý tài chính trên 1% giá trị được kiểm toán*); hoặc có các phát hiện

sai sót quan trọng đủ điều kiện chuyển hồ sơ cho cơ quan điều tra; hoặc có kiến nghị sửa đổi chính sách chế độ.

+ Kiểm toán doanh nghiệp và các tổ chức tài chính ngân hàng (*trừ kiểm toán chuyên đề, chương trình, hoạt động*): Có kết quả xử lý tài chính trên: 1.000 trđ; hoặc thay đổi kết quả kinh doanh, xử lý khác trên: 5.000 trđ; hoặc có các phát hiện sai sót quan trọng đủ điều kiện chuyển hồ sơ cho cơ quan điều tra; hoặc có kiến nghị sửa đổi chính sách chế độ.

+ Đoàn kiểm toán chuyên đề, kiểm toán chương trình, kiểm toán hoạt động...: Có kết quả phát hiện kiểm toán, kiến nghị sửa đổi chính sách chế độ và kiến nghị khác trở lên.

- Đoàn kiểm toán phải có từ 50% số Tổ kiểm toán được xếp loại đạt trở lên.

d) Đoàn KTNN xếp loại “Chất lượng còn hạn chế” nếu có một trong các tiêu chuẩn sau

- Đạt dưới 60 điểm chất lượng (*gồm cả điểm cộng*).

- Đoàn kiểm toán và có thành viên trong Đoàn kiểm toán: có đơn, thư khiếu nại, tố cáo (*đúng sự thật*) phản ánh tới Lãnh đạo KTNN và các đơn vị về các hành vi vi phạm: sách nhiễu, gây khó khăn, phiền hà, tiêu cực, tham nhũng, tham ô, lãng phí, lợi dụng chức vụ quyền hạn để vụ lợi, báo cáo sai lệch kết quả kiểm toán, tiết lộ bí mật nhà nước bí mật nghề nghiệp,...; có vi phạm kỷ luật, kỷ cương, Quy chế tổ chức hoạt động của đoàn kiểm toán, quy tắc ứng xử, gây mất đoàn kết nội bộ; bị kỷ luật trong quá trình thực hiện kiểm toán.

- Đoàn kiểm toán phải có kết quả kiểm toán thấp từng lĩnh vực:

+ Đoàn kiểm toán ngân sách địa phương: Có kết quả xử lý tài chính dưới: 10.000 trđ (*trong đó: kiểm toán chi phí xây lắp có phát hiện xử lý tài chính dưới 0,5% giá trị được kiểm toán; đối chiếu thuế với người nộp thuế có dưới 50% đơn vị được đối chiếu có kết quả tăng thu, hoặc giảm lỗ; kiểm toán doanh nghiệp, đơn vị dự toán có dưới 50% đơn vị được kiểm toán có kết quả*).

+ Đoàn kiểm toán ngân sách bộ ngành: Có kết quả xử lý tài chính dưới 1.000 trđ (*trong đó: kiểm toán chi phí xây lắp có phát hiện xử lý tài chính dưới 1% giá trị được kiểm toán; kiểm toán doanh nghiệp, đơn vị dự toán có dưới 50% đơn vị được kiểm toán có kết quả*).

+ Kiểm toán dự án đầu tư: Có kết quả xử lý tài chính dưới 1.000 trđ (*trong đó kiểm toán chi phí xây lắp có phát hiện xử lý tài chính dưới 1% giá trị được kiểm toán*).

+ Kiểm toán doanh nghiệp và các tổ chức tài chính ngân hàng (*trừ kiểm toán chuyên đề, chương trình, hoạt động*): Có kết quả xử lý tài chính dưới: 1.000 trđ; hoặc thay đổi kết quả kinh doanh, xử lý tài chính khác dưới: 5.000 trđ.

+ Đoàn kiểm toán chuyên đề, kiểm toán chương trình, kiểm toán hoạt động...: Không có kết quả phát hiện kiểm toán.

- Có trên 50% số Tổ kiểm toán xếp loại chất lượng không đạt.

Mục IV. LỰA CHỌN CUỘC KIỂM TOÁN CHẤT LƯỢNG VÀNG

Điều 12. Tiêu chí lựa chọn cuộc kiểm toán chất lượng vàng

1. Cuộc kiểm toán được xếp loại xuất sắc theo Điều a, Khoản 2, Điều 11 của Quy định này.

2. Đoàn kiểm toán phải có kết quả kiểm toán nổi bật theo từng lĩnh vực:

- Các đoàn kiểm toán tài chính: Có kết quả xử lý tài chính trên 80.000 trđ (*đối với Kiểm toán ngân sách địa phương*) và trên 40.000 trđ đối với Kiểm toán ngân sách bộ ngành và kiểm toán dự án đầu tư độc lập; Kiểm toán doanh nghiệp và các tổ chức tài chính ngân hàng xử lý tài chính trên: 40.000 trđ, hoặc thay đổi kết quả kinh doanh, xử lý tài chính khác trên: 150.000 trđ.

- Các lĩnh vực khác: Phải là cuộc kiểm toán có phát hiện đặc biệt quan trọng; hoặc có các phát hiện quan trọng đủ điều kiện chuyển hồ sơ cho cơ quan pháp luật điều tra, xử lý theo quyết định của KTNN.

3. Số lượng cuộc kiểm toán chất lượng vàng hàng năm do Tổng KTNN quyết định; số lượng cuộc kiểm toán được công nhận chất lượng vàng hàng năm của mỗi KTNN chuyên ngành, khu vực tối đa không quá 1 cuộc kiểm toán.

Điều 13. Trình tự, thủ tục lựa chọn cuộc kiểm toán chất lượng vàng

1. Sau khi phát hành báo cáo kiểm toán, Trưởng đoàn KTNN căn cứ Quy định này để chấm điểm, đánh giá chất lượng cuộc kiểm toán và gửi kết quả cho Kiểm toán trưởng.

2. Kiểm toán trưởng tổ chức thẩm định, kết quả chấm điểm, đánh giá chất lượng cuộc kiểm toán của Trưởng đoàn KTNN. Nếu kết quả thẩm định chất lượng cuộc kiểm toán đạt được các tiêu chí quy định tại Điều 12 của quy định này, Kiểm toán trưởng tổng hợp đề xuất các cuộc kiểm toán đề nghị xét chọn cuộc kiểm toán chất lượng vàng kèm theo hồ sơ chấm điểm cho các đơn vị tham mưu chức năng và Ban Thi đua - Khen thưởng.

3. Các đơn vị tham mưu chức năng chấm điểm chất lượng các cuộc kiểm toán được đề xuất lựa chọn cuộc kiểm toán chất lượng vàng theo Điều 16 của quy định này và tổng hợp kết quả gửi Ban Thi đua - Khen thưởng để tổng hợp trình Hội đồng Thi đua - Khen thưởng KTNN.

4. Ban Thi đua - Khen thưởng tổng hợp kết quả chấm điểm của các KTNN chuyên ngành, các đơn vị tham mưu chức năng, báo cáo Tổng KTNN và Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng để xem xét, lựa chọn.

5. Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng KTNN xem xét, đề xuất danh mục các cuộc kiểm toán chất lượng vàng trình Tổng KTNN quyết định.

6. Tổng KTNN quyết định số lượng, danh sách cuộc kiểm toán đạt chất lượng vàng và mức khen thưởng đối với cuộc kiểm toán chất lượng vàng.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Trách nhiệm của Trưởng đoàn kiểm toán nhà nước

1. Tổ chức chấm điểm, đánh giá và xếp loại chất lượng Thành viên đoàn KTNN theo quy định tại Điều 5 và Điều 6 của quy định này (theo Phụ lục 01).
2. Tổ chức chấm điểm, đánh giá và xếp loại chất lượng Tổ kiểm toán thuộc Đoàn KTNN theo quy định tại Điều 7 và Điều 8 của quy định này (theo Phụ lục 02).
3. Tự chấm điểm, đánh giá và xếp loại chất lượng Đoàn KTNN theo quy định tại Điều 9, Điều 10 và Điều 11 của quy định này (theo Phụ lục 03).
4. Báo cáo kết quả chấm điểm, đánh giá, xếp loại chất lượng Thành viên đoàn KTNN, Tổ kiểm toán và Đoàn KTNN gửi cho Kiểm toán trưởng cùng với trình Dự thảo báo cáo kiểm toán cho Kiểm toán trưởng xét duyệt.

Điều 15. Trách nhiệm của Kiểm toán trưởng Kiểm toán nhà nước chuyên ngành, khu vực

1. Tổ chức thực hiện và chỉ đạo các Đoàn KTNN thuộc đơn vị thực hiện việc chấm điểm, đánh giá và xếp loại Thành viên đoàn KTNN, Tổ kiểm toán và Đoàn KTNN theo quy định này.
2. Tổ chức thẩm định kết quả chấm điểm, đánh giá và xếp loại Thành viên đoàn KTNN, Tổ kiểm toán và Đoàn KTNN của các Đoàn KTNN thuộc đơn vị (theo các Phụ lục 01, 02, 03); tổng hợp kết quả chấm điểm, đánh giá và xếp loại Thành viên đoàn KTNN, Tổ kiểm toán và Đoàn KTNN hàng năm của đơn vị báo cáo Tổng KTNN (qua Vụ Chế độ và Kiểm soát chất lượng kiểm toán) cùng với trình Dự thảo báo cáo xét duyệt cho Tổng KTNN. Thành phần Hội đồng thẩm định kết quả chấm điểm, đánh giá và xếp loại do Kiểm toán trưởng quyết định, trong đó phải có đại diện Tổ kiểm soát chất lượng kiểm toán.
3. Phân loại, xét chọn các cuộc kiểm toán do đơn vị chủ trì thực hiện đủ điều kiện xét chọn cuộc kiểm toán chất lượng vàng hàng năm để đề xuất với Tổng KTNN (qua Vụ Chế độ và Kiểm soát chất lượng kiểm toán) xem xét, lựa chọn cuộc kiểm toán chất lượng vàng.
4. Gửi hồ sơ cuộc kiểm toán đề xuất xét chất lượng vàng về Vụ Chế độ và Kiểm soát chất lượng kiểm toán để chấm điểm chất lượng trước ngày 25 tháng 12 hàng năm.
5. Thủ trưởng các đơn vị tham mưu chức năng chủ trì thực hiện các cuộc kiểm toán theo sự phân công của Tổng KTNN thực hiện trách nhiệm như Kiểm toán trưởng KTNN chuyên ngành, khu vực quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 và Khoản 4 của Điều này.

Điều 16. Trách nhiệm của các đơn vị tham mưu chức năng của Kiểm toán nhà nước

1. Vụ Chế độ và Kiểm soát chất lượng kiểm toán

a) Hướng dẫn, tổ chức thực hiện, kiểm tra đôn đốc các đơn vị trực thuộc KTNN thực hiện thống nhất quy định này.

b) Tổng hợp kết quả chấm điểm, đánh giá và xếp loại chất lượng Thành viên đoàn KTNN, Tổ kiểm toán và Đoàn KTNN trong toàn ngành và báo cáo Tổng KTNN trước ngày 20 tháng 01 hàng năm.

c) Căn cứ hồ sơ kiểm toán và kết quả thanh tra, kiểm tra (nếu có) để tổ chức thẩm định, đánh giá, chấm điểm đối với cuộc kiểm toán do các KTNN chuyên ngành, khu vực đề xuất cuộc kiểm toán chất lượng vàng, đối với: Kế hoạch kiểm toán chi tiết; Biên bản kiểm toán của Tổ kiểm toán và Thông báo kết quả kiểm toán tại các đơn vị kiểm toán chi tiết; Nhật ký kiểm toán, tài liệu làm việc và bằng chứng kiểm toán; Quản lý và kiểm tra, soát xét hoạt động kiểm toán; việc tuân thủ pháp luật và các quy định của KTNN, thực hiện Quy chế và hoạt động của Đoàn KTNN, quy định về đạo đức nghề nghiệp và Quy tắc ứng xử của KTNN (Theo Phụ lục 04).

2. Vụ Tổng hợp

a) Căn cứ báo cáo thẩm định của Vụ Tổng hợp, Vụ Pháp chế và kết quả thanh tra, kiểm tra (nếu có) để tổ chức thẩm định, đánh giá, chấm điểm đối với cuộc kiểm toán do các KTNN chuyên ngành, khu vực đề xuất cuộc kiểm toán chất lượng vàng, đối với: Kế hoạch của cuộc kiểm toán; Báo cáo kiểm toán và thông báo kết quả kiểm toán; Điểm thưởng (Theo Phụ lục 05).

b) Báo cáo kết quả chấm điểm cuộc kiểm toán được đề xuất để lựa chọn cuộc kiểm toán chất lượng vàng hàng năm về Ban Thi đua - Khen thưởng KTNN trước ngày 15 tháng 1 của năm sau liền kề.

3. Thanh tra KTNN

a) Gửi báo cáo kết quả thanh tra các cuộc kiểm toán đề xuất xét chọn cuộc kiểm toán chất lượng vàng hàng năm cho Vụ Chế độ và Kiểm soát chất lượng kiểm toán, Vụ Tổng hợp và Ban Thi đua - Khen thưởng để thẩm định, chấm điểm và xét chọn cuộc kiểm toán chất lượng vàng.

b) Gửi báo cáo kết quả thanh tra các cuộc kiểm toán thực hiện trong năm cho Vụ Chế độ và Kiểm soát chất lượng kiểm toán để thẩm định kết quả chấm điểm, đánh giá và xếp loại chất lượng Thành viên đoàn KTNN, Tổ kiểm toán và Đoàn KTNN của các KTNN chuyên ngành, khu vực.

4. Ban Thi đua - Khen thưởng

a) Tổng hợp danh sách các cuộc kiểm toán đề xuất xét chọn cuộc kiểm toán chất lượng vàng hàng năm để báo cáo Tổng KTNN và Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng KTNN.

b) Tổng hợp kết quả chấm điểm cuộc kiểm toán đề xuất xét chọn chất lượng vàng của các KTNN chuyên ngành, khu vực, của Vụ Chế độ và Kiểm soát chất lượng kiểm toán và của Vụ Tổng hợp để báo cáo Tổng KTNN và Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng KTNN (theo Phụ lục 06).

Điều 17. Giải quyết vướng mắc

Trong quá trình thực hiện Quy định này nếu có khó khăn, vướng mắc, các đơn vị phản ánh về Vụ Chế độ và Kiểm soát chất lượng kiểm toán đề tổng hợp, trình Tổng KTNN xem xét, giải quyết./.



KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC
KTNN CN/KV

KẾT QUẢ CHẤM ĐIỂM VÀ XẾP LOẠI CHẤT LƯỢNG THÀNH VIÊN ĐOÀN KTNN

(Kèm theo Quy định về tiêu chí, thang điểm đánh giá và tiêu chuẩn xếp loại chất lượng thành viên, Tổ kiểm toán và Đoàn KTNN ban hành theo Quyết định số 1793/QĐ-KTNN ngày 04/11/2016 của Tổng KTNN)

Đoàn kiểm toán:

TT	Thành viên Đoàn KTNN	Kết quả chấm điểm (theo các tiêu chí tại Điều 5) ⁽¹⁾									Phát hiện KT		Xếp loại chất lượng	Ghi chú (²)
		Tiêu chí 1	Tiêu chí 2						Tiêu chí 3	Cộng	Xử lý tài chính	Phát hiện khác		
			TC2.1	TC2.2	TC2.3	TC2.4	TC2.5	Cộng						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1														
2														
3														
4														
5														
...														

TRƯỞNG ĐOÀN KTNN
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày ... tháng ... năm ...
KIỂM TOÁN TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

⁽¹⁾: Chấm điểm chi tiết cho các tiêu chí chất lượng thực hiện theo hướng dẫn kèm theo Phụ lục 01.

⁽²⁾: Trường hợp kết quả kiểm toán không phải là số liệu (kiến nghị sửa đổi văn bản, chuyển hồ sơ cơ quan điều tra...) thì đánh dấu vào cột ghi chú và giải thích phía dưới.

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐIỂM CHẤT LƯỢNG THÀNH VIÊN ĐOÀN KTNN

(Kèm theo Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Quy định về tiêu chí, thang điểm đánh giá và tiêu chuẩn loại chất lượng thành viên, Tổ kiểm toán và Đoàn KTNN)

Nội dung và tiêu chí chấm điểm	Điểm tối đa
<i>1</i>	<i>2</i>
1. Tuân thủ pháp luật và các quy định có liên quan của KTNN	15,0
1.1. Chấp hành tốt đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước	3,5
1.2. Tuân thủ quy định về đạo đức nghề nghiệp, quy tắc ứng xử	5,0
1.3. Tuân thủ quy chế tổ chức và hoạt động của Đoàn KTNN	3,5
1.4. Bảo mật và an toàn thông tin kiểm toán và các quy định khác có liên quan đến hoạt động kiểm toán của KTNN	3,0
2. Thực hiện nhiệm vụ được giao đảm bảo chất lượng, tiến độ quy định	75,0
2.1. Tuân thủ kế hoạch kiểm toán chi tiết	10,0
- Tuân thủ đúng nội dung kiểm toán được phân công;	4,0
- Tuân thủ đúng phạm vi, giới hạn, thời gian, địa điểm, đơn vị được kiểm toán;	3,0
- Thực hiện đúng phương pháp, thủ tục kiểm toán.	3,0
2.2. Thực hiện nhiệm vụ được phân công	15,0
- Hoàn thành đầy đủ các nội dung kiểm toán và các công việc khác được phân công;	4,0
- Đảm bảo tiến độ thực hiện công việc theo kế hoạch kiểm toán chi tiết;	3,0
- Các nội dung kiểm toán được phân công đều có kết quả phát hiện về số liệu, phát hiện khác hoặc các đánh giá phù hợp với nội dung kiểm toán.	8,0
2.3. Ghi chép nhật ký, các tài liệu làm việc khác; Quản lý, lưu trữ hồ sơ kiểm toán	10,0
- Lập đầy đủ các tài liệu làm việc theo quy định;	2,0
- Ghi nhật ký làm việc và các tài liệu làm việc khác đúng thời gian, kết quả làm việc, trình tự và mẫu biểu quy định;	5,0
- Đảm bảo sự thống nhất, đồng bộ và hợp lý về nội dung ghi chép giữa các tài liệu làm việc;	2,0
- Thu thập, lưu trữ đầy đủ hồ sơ kiểm toán phù hợp với nhiệm vụ kiểm toán đã thực hiện.	1,0
2.4. Thu thập và quản lý bằng chứng kiểm toán	20,0
- Thu thập đầy đủ bằng chứng kiểm toán theo từng nội dung kiểm toán đã thực hiện;	8,0
- Bằng chứng kiểm toán phù hợp đánh giá, kết luận kiểm toán;	8,0

- Bảng chứng kiểm toán lưu trữ quản lý đầy đủ kèm theo các tài liệu làm việc theo quy định.	4,0
2.5. Lập Biên bản xác nhận số liệu và tình hình kiểm toán của KTV	20,0
- Phản ánh đầy đủ, chính xác, trung thực khách quan kết quả, kiểm toán;	10,0
- Có đầy đủ ý kiến đánh giá theo nội dung được phân công;	8,0
- Nội dung, thể thức tuân thủ quy định của KTNN.	2,0
3. Chấp hành sự phân công, chỉ đạo của cấp trên và thực hiện chế độ báo cáo; thái độ làm việc có tinh thần trách nhiệm, phối hợp công tác	10,0
3.1. Chấp hành đầy đủ sự phân công, điều hành và chỉ đạo của Tổ trưởng, Trưởng đoàn KTNN, Lãnh đạo KTNN	3,0
3.2. Thực hiện chế độ báo cáo đầy đủ, đúng thời hạn, đảm bảo yêu cầu về chất lượng	2,0
3.3. Có tinh thần đoàn kết, hợp tác hiệu quả, phối hợp chặt chẽ với đồng nghiệp, cơ quan, đơn vị có liên quan trong quá trình thực hiện nhiệm vụ kiểm toán.	5,0
Cộng	70,0

KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC
KTNN CN/KV

KẾT QUẢ CHẤM ĐIỂM VÀ XẾP LOẠI CHẤT LƯỢNG TỔ KIỂM TOÁN⁽¹⁾

(Kèm theo Quy định về tiêu chí, thang điểm đánh giá và tiêu chuẩn xếp loại chất lượng thành viên, Tổ kiểm toán và Đoàn KTNN ban hành theo Quyết định số 1793/QĐ-KTNN ngày 04/11/2016 của Tổng KTNN)

Đoàn kiểm toán:

TT	Tổ kiểm toán	Tổ trưởng	Kết quả chấm điểm (theo các tiêu chí tại Điều 7) ⁽²⁾										Kết quả KT		Xếp loại chất lượng	Ghi chú ⁽⁴⁾
			Tiêu chí 1	Tiêu chí 2	Tiêu chí 3	Tiêu chí 4	Tiêu chí 5	Tiêu chí 6	Tiêu chí 7	Tiêu chí 8	Tiêu chí 9	Cộng	Xử lý TC	KQ khác		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1																
2																
3																
4																
5																
...																

TRƯỞNG ĐOÀN KTNN
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày ... tháng ... năm
KIỂM TOÁN TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

⁽¹⁾: Tổ kiểm toán được chấm điểm là Tổ kiểm toán thực hiện kiểm toán tại 01 (một) đơn vị được kiểm toán có tên trong Quyết định kiểm toán.

⁽²⁾: Chấm điểm chi tiết cho các tiêu chí chất lượng thực hiện theo hướng dẫn kèm theo Phụ lục 02.

⁽³⁾: Cột 14, 15, 16 theo hướng dẫn tại điều 8.

⁽⁴⁾: Trường hợp kết quả kiểm toán không phải là số liệu (kiến nghị sửa đổi văn bản, chuyển hồ sơ cơ quan điều tra...) thì đánh dấu vào cột ghi chú và giải thích phía dưới.

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐIỂM CHẤT LƯỢNG TỔ KIỂM TOÁN

(Kèm theo Phụ lục 02 ban hành kèm theo Quy định về tiêu chí, thang điểm đánh giá và tiêu chuẩn loại chất lượng thành viên, Tổ kiểm toán và Đoàn KTNN)

Nội dung và tiêu chí chấm điểm	Điểm tối đa
1	2
1. Tuân thủ pháp luật và các quy định có liên quan của KTNN	10,0
1.1. Các thành viên Tổ kiểm toán tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật	5,0
1.2. Các thành viên Tổ kiểm toán tuân thủ đầy đủ các quy định có liên quan của KTNN	5,0
2. Xây dựng kế hoạch kiểm toán chi tiết	10,0
2.2. Kế hoạch kiểm toán chi tiết phù hợp với kế hoạch cuộc kiểm toán	2,0
2.3 Thu thập đầy đủ thông tin cần thiết	2,0
2.4. Xác định đúng trọng tâm và trọng yếu kiểm toán, phương pháp, thủ tục kiểm toán, phạm vi, giới hạn, thời gian, địa điểm, đơn vị được kiểm toán;	4,0
2.5. Phân công cụ thể nhiệm vụ kiểm toán rõ ràng, phù hợp với khả năng của mỗi thành viên.	2,0
3. Tổ chức thực hiện kế hoạch kiểm toán chi tiết	10,0
3.1. Tổ kiểm toán và các thành viên tuân thủ đúng nội dung kiểm toán được phân công trong kế hoạch kiểm toán chi tiết được phê duyệt	5,0
3.2. Tổ kiểm toán và các thành viên thực hiện đúng các phương pháp, thủ tục, phạm vi, giới hạn, thời gian, địa điểm, đơn vị được kiểm toán phù hợp với từng nội dung kiểm toán	5,0
4. Thực hiện tiến độ kiểm toán	10,0
4.1. Các nội dung kiểm toán được thực hiện đúng tiến độ trong kế hoạch kiểm toán chi tiết	4,0
	3,0

4.2. Lập biên bản kiểm toán và thực hiện các công việc khác đúng thời gian quy định	3,0
4.3. Tiến độ chung của Tổ kiểm toán tuân thủ đúng kế hoạch cuộc kiểm toán.	
5. Thu thập, đánh giá và quản lý bằng chứng kiểm toán	15,0
5.1. Bằng chứng kiểm toán thu thập đầy đủ theo từng nội dung kiểm toán	6,0
5.2. Bằng chứng kiểm toán phù hợp với các kết quả, kết luận, kiến nghị kiểm toán và các thay đổi về kết quả, kết luận, kiến nghị kiểm toán.	6,0
5.3. Bằng chứng kiểm toán được tập hợp, lưu trữ đầy đủ theo quy định của KTNN.	3,0
6. Lập và ghi chép tài liệu làm việc của Tổ kiểm toán (<i>Tổ kiểm toán lập các tài liệu làm việc phải đúng mẫu biểu, thời hạn, đầy đủ theo quy định của KTNN</i>) ...	5,0
7. Quản lý, kiểm tra, soát xét hoạt động kiểm toán	10,0
7.1. Thành viên Tổ kiểm toán thực hiện đầy đủ các thủ tục kiểm tra, soát xét chất lượng công việc thực hiện	4,0
7.2. Tổ trưởng thực hiện đầy đủ các thủ tục quản lý, kiểm tra, soát xét chất lượng kiểm toán của các thành viên trong Tổ	3,0
7.3. Lập báo cáo định kỳ, đột xuất gửi Kiểm toán trưởng, Trưởng đoàn, Tổ kiểm soát chất lượng kiểm toán theo quy định	3,0
8. Quản lý, lưu trữ hồ sơ kiểm toán (<i>Tổ kiểm toán phải quản lý, sắp xếp, lưu trữ đầy đủ, khoa học hồ sơ kiểm toán theo danh mục hồ sơ kiểm toán quy định của KTNN</i>)	10,0
9. Biên bản kiểm toán	20,0
9.1. Tổng hợp đầy đủ kết quả kiểm toán của các thành viên Tổ kiểm toán;	5,0
9.2. Có đầy đủ kết quả và ý kiến đánh giá theo các nội dung kiểm toán;	5,0
9.3. Các kết luận kiểm toán phù hợp với kết quả kiểm toán;	4,0
9.4. Kiến nghị kiểm toán phù hợp với kết quả, kết luận kiểm toán, đúng đối tượng, khả thi;	4,0
9.5. Nội dung thể thức và việc trình bày tuân thủ quy định của KTNN.	2,0
Cộng	100,0

KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC
KTNN CN/KV

KẾT QUẢ CHẤM ĐIỂM VÀ XẾP LOẠI CHẤT LƯỢNG ĐOÀN KIỂM TOÁN

(Kèm theo Quy định về tiêu chí, thang điểm đánh giá và tiêu chuẩn xếp loại chất lượng thành viên, Tổ kiểm toán và Đoàn KTNN ban hành theo Quyết định số 1793/QĐ-KTNN ngày 04/11/2016 của Tổng KTNN)

Đoàn kiểm toán:

I. CHẤM ĐIỂM CHẤT LƯỢNG

Nội dung và tiêu chí chấm điểm	Điểm tối đa	Chấm điểm của		Ghi chú
		Đoàn KTNN	KTNN CN/KV	
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
1. Kế hoạch cuộc kiểm toán	10,0			
1.1. Nội dung của kế hoạch kiểm toán	7,0			
- Mô tả đầy đủ hệ thống kiểm soát nội bộ và đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ;	0,5			
- Thu thập đầy đủ thông tin để phục vụ công tác phân tích xác định trọng yếu, rủi ro kiểm toán	0,5			
- Xác định, đánh giá và phân tích được trọng yếu hoặc trọng tâm kiểm toán;	0,5			
- Xác định được rủi ro tiềm tàng và rủi ro kiểm soát;	1,0			
- Xác định cụ thể mục tiêu kiểm toán;	1,5			
- Xác định nội dung kiểm toán tổng hợp và chi tiết theo từng đơn vị được kiểm toán;	1,0			

- Xác định phạm vi kiểm toán phù hợp;	0,5			
- Xác định phương pháp kiểm toán tương ứng với rủi ro đã xác định;	0,5			
- Việc bố trí về thời gian và nhân lực đảm bảo hợp lý theo mục tiêu kiểm toán và tiết kiệm.	1,0			
1.2. Tuân thủ các quy định trong lập kế hoạch kiểm toán	1,0			
- Thể thức tuân thủ quy định của KTNN;	0,5			
- Tuân thủ trình tự lập, xét duyệt Kế hoạch kiểm toán.	0,5			
1.3. Số liệu và tình hình đơn vị đầy đủ, rõ ràng, căn cứ chọn mẫu kiểm toán phù hợp với trọng yếu hoặc trọng tâm, rủi ro kiểm toán, mục tiêu và nội dung kiểm toán	1,0			
1.4. Đảm bảo sự thống nhất giữa mục tiêu, nội dung, phạm vi, giới hạn kiểm toán và các nội dung khác của kế hoạch kiểm toán	1,0			
2. Kế hoạch kiểm toán chi tiết	10,0			
2.1. Nội dung của kế hoạch kiểm toán chi tiết	6,0			
- Xác định và phân tích được rủi ro, trọng yếu hoặc trọng tâm kiểm toán;	1,0			
- Mục tiêu nội dung kiểm toán được xác định cụ thể, phù hợp với thông tin về tình hình kinh tế tài chính của đơn vị và Kế hoạch kiểm toán của Đoàn kiểm toán;	2,0			
- Xác định mẫu kiểm toán, các phương pháp kiểm toán phù hợp, rõ ràng;	1,0			
- Phân công công việc rõ ràng, bố trí thời gian kiểm toán hợp lý cho từng Kiểm toán viên;	1,0			
- Tuân thủ quy định về thể thức, thời gian lập và phê duyệt kế hoạch kiểm toán chi tiết.	1,0			
2.2. Tuân thủ các quy định và kế hoạch kiểm toán của Đoàn kiểm toán	2,0			
- Nội dung kế hoạch kiểm toán chi tiết phù hợp với kế hoạch cuộc kiểm toán	1,5			
- Tuân thủ quy định về thể thức, trình tự lập, phê duyệt Kế	0,5			

hoạch kiểm toán.				
2.3. Vận dụng phương pháp thích hợp để phân tích thông tin, đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ và lập Kế hoạch kiểm toán chi tiết	1,0			
2.4. Đảm bảo sự thống nhất giữa mục tiêu, nội dung, phạm vi, giới hạn kiểm toán và các nội dung khác của kế hoạch kiểm toán chi tiết	1,0			
3. Biên bản kiểm toán của Tổ kiểm toán	10,0			
3.1. Nội dung của Biên bản kiểm toán của Tổ kiểm toán	5,0			
- Nội dung phù hợp với kế hoạch kiểm toán chi tiết	1,0			
- Kết quả kiểm toán đầy đủ theo nội dung kiểm toán;	2,0			
- Tổng hợp đầy đủ kết quả và tình hình kiểm toán của các thành viên trong Tổ kiểm toán;	1,0			
- Ý kiến kết luận kiểm toán xác đáng, phù hợp với mục tiêu và kết quả kiểm toán.	1,0			
3.2. Thể thức, nội dung tuân thủ Luật và các quy định của KTNN	1,0			
3.3. Vận dụng phương pháp kiểm toán thích hợp trong thực hiện tác nghiệp kiểm toán	1,0			
3.4. Trình bày cô đọng, súc tích, các số liệu chính xác, khớp đúng	1,0			
3.5. Kết quả kiểm toán có bằng chứng kiểm toán đầy đủ và thích hợp	2,0			
4. Báo cáo kiểm toán và thông báo kết quả kiểm toán	20,0			
4.1. Nội dung Báo cáo kiểm toán	14,0			
- Mục tiêu và nội dung cuộc kiểm toán thực hiện đúng với kế hoạch kiểm toán được phê duyệt hoặc được điều chỉnh, trong đó:	2,0			
+ Đạt được mục tiêu kiểm toán	1,0			
+ Kết quả kiểm toán đầy đủ theo nội dung kiểm toán	1,0			
- Tổng hợp đầy đủ kết quả, kết luận và kiến nghị kiểm toán của tổ kiểm toán từ các biên bản kiểm toán của Tổ kiểm toán	2,0			
- Nhận xét, đánh giá và kết luận mang tính hệ thống, khái quát	2,0			

cao, phù hợp với mục tiêu kiểm toán, kết quả kiểm toán				
- Kiến nghị xử lý tài chính (<i>đánh giá theo quy mô tài chính được kiểm toán</i>)	2,0			
- Kiến nghị sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế quản lý, tài chính	2,0			
- Kiến nghị với đơn vị được kiểm toán và các cơ quan liên quan khắc phục được những sai phạm và có ý kiến tư vấn phù hợp với thực tế, đảm bảo tính khả thi cao	2,0			
- Kiến nghị có số liệu, địa chỉ rõ ràng, cụ thể để chứng minh, các văn bản viện dẫn hợp pháp, đầy đủ, chính xác	2,0			
4.2. Tuân thủ các quy định của KTN	1,0			
- Tuân thủ mẫu biểu, thể thức quy định;	0,5			
- Tuân thủ trình tự, thủ tục, thời gian lập và xét duyệt Báo cáo kiểm toán	0,5			
4.3. Báo cáo kiểm toán được trình bày cô đọng, súc tích, số liệu chính xác, khớp đúng.	1,0			
4.4. Điều chỉnh kết quả, kết luận, kiến nghị kiểm toán đầy đủ theo ý kiến kết luận của Lãnh đạo KTN	2,0			
4.5. Thông báo kết quả kiểm toán	2,0			
- Thông báo kết quả kiểm toán lập, phát hành đầy đủ, đúng quy định	1,0			
- Phản ánh đúng nội dung của báo cáo kiểm toán và phù hợp với kết quả kiểm toán tại đơn vị được kiểm toán chi tiết.	1,0			
5. Nhật ký kiểm toán, tài liệu làm việc và bằng chứng kiểm toán	25,0			
5.1. Nhật ký làm việc	10,0			
- Phản ánh rõ ràng, đầy đủ, đúng tình hình, trình tự, diễn biến làm việc và kết quả kiểm toán	2,0			
- Phản ánh đầy đủ các nội dung làm việc;	3,0			
- Lập và ghi chép đầy đủ các nội dung kiểm toán;	3,0			
- Ghi chép nhật ký điện tử đúng quy định.	2,0			
5.2. Biên bản XNSL&THKT của Kiểm toán viên lập và ghi chép đầy đủ nội dung theo mẫu biểu quy định	1,0			
5.3. Bằng chứng kiểm toán đầy đủ, thích hợp, rõ ràng, cụ thể phù hợp cho từng nội dung kiểm toán kiến nghị kiểm toán	7,0			

5.4. Báo cáo định kỳ và đột xuất của Tổ kiểm toán, Đoàn kiểm toán	2,0			
5.5. Báo cáo kiểm soát chất lượng kiểm toán lập đúng quy định, gửi đúng hạn	3,0			
5.6. Tài liệu làm việc khác	2,0			
- Lập và lưu trữ đầy đủ theo quy định.	1,0			
- Nội dung đảm bảo tính thống nhất, phù hợp với các tài liệu khác thuộc hồ sơ kiểm toán.	1,0			
6. Tuân thủ pháp luật và các quy định của KTNN	15,0			
- Tuân thủ chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp.	3,0			
- Tuân thủ quy định về ứng xử trong mối quan hệ với đơn vị được kiểm toán	5,0			
- Tuân thủ quy định về ứng xử trong mối quan hệ nội bộ	2,0			
- Tuân thủ Quy chế tổ chức và hoạt động của Đoàn kiểm toán	5,0			
7. Quản lý và kiểm tra, soát xét chất lượng kiểm toán	10,0			
- Đoàn kiểm toán đã tổ chức quán triệt kế hoạch kiểm toán, bồi dưỡng kiến thức về chuyên môn nghiệp vụ cho các thành viên trước khi tiến hành kiểm toán;	1,0			
- Thực hiện đúng Kế hoạch của cuộc kiểm toán và Kế hoạch kiểm toán chi tiết về đối tượng, nội dung, phạm vi, phương pháp kiểm toán...	3,0			
- Quản lý, kiểm tra, kiểm soát của các cấp kiểm soát (<i>Tổ trưởng, Trưởng Đoàn kiểm toán</i>) được thực hiện đầy đủ, đúng quy định của KTNN trong các giai đoạn của cuộc kiểm toán;	2,5			
- Chất lượng quản lý, kiểm tra, kiểm soát đáp ứng được yêu cầu; phát hiện, kiến nghị xử lý kịp thời hợp lý để khắc phục các sai phạm (<i>đánh giá theo mức độ sai sót trên Biên bản kiểm toán, Báo cáo kiểm toán và trên thực tế</i>).	3,5			
Cộng (1 + 2 + 3 + 4 + 5 + 6 + 7)	100,0			
8. Điểm thưởng				
8.1. Thời gian phát hành Báo cáo kiểm toán sớm so với thời hạn quy định				
- Trong phạm vi từ 45 ngày đến 60 ngày sau khi kết thúc kiểm toán tại đơn vị, nếu phát hành báo cáo kiểm toán sớm mỗi 05 ngày;	0,5			

- Trong phạm vi 45 ngày sau khi kết thúc kiểm toán tại đơn vị, nếu phát hành báo cáo kiểm toán sớm mỗi 03 ngày.	1,0			
8.2. Cuộc kiểm toán có quy mô lớn				
- Đoàn kiểm toán có từ 40 đến 44 người và số đơn vị được kiểm toán từ 30 đến 32 đơn vị;	2,0			
- Đoàn kiểm toán có từ 45 đến 49 người và số đơn vị được kiểm toán từ 33 đến 36 đơn vị;	3,0			
- Đoàn kiểm toán có từ 50 đến 54 người và số đơn vị được kiểm toán từ 37 đến 39 đơn vị;	4,0			
- Đoàn kiểm toán có trên 55 người và số đơn vị kiểm toán từ 40 trở lên.	5,0			
<i>* Nếu số lượng người của Đoàn kiểm toán và số lượng đơn vị được kiểm toán ở hai mức khác nhau thì tính điểm trung bình cộng của hai mức đó.</i>				
8.3. Cuộc kiểm toán có tính chất phức tạp				
- Mục tiêu kiểm toán phức tạp.	4,0			
- Nội dung kiểm toán phức tạp.	4,0			
- Vấn đề phức tạp phát sinh trong tổ chức thực hiện kiểm toán.	2,0			
8.4. Cuộc kiểm toán mới, có các phát hiện kiểm toán mới, phát hiện kiểm toán đặc biệt quan trọng				
- Cuộc kiểm toán mới (về đối tượng, nội dung, quy trình, phương pháp...).	10,0			
- Có phát hiện mới.	5,0			
- Có phát hiện kiểm toán đặc biệt quan trọng.	10,0			
Tổng cộng				

II. KẾT QUẢ KIỂM TOÁN

- Kết quả xử lý tài chính: triệu đồng.
- Kiến nghị quan trọng khác:

III. XẾP LOẠI CHẤT LƯỢNG TỔ KIỂM TOÁN THUỘC ĐOÀN KTN

- Số lượng Tổ kiểm toán xếp loại Xuất sắc:
- Số lượng Tổ kiểm toán xếp loại Khá:
- Số lượng Tổ kiểm toán xếp loại Đạt:

4. Số lượng Tổ kiểm toán xếp loại Chất lượng còn hạn chế:

IV. XẾP LOẠI CHẤT LƯỢNG

1. Đoàn KTNN tự xếp loại chất lượng:

2. Kiểm toán trưởng xếp loại chất lượng:

TRƯỞNG ĐOÀN KTNN
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng năm.....
KIỂM TOÁN TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên)



KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC
VỤ CHẾ ĐỘ VÀ KSCLKT

**KẾT QUẢ CHẤM ĐIỂM CUỘC KIỂM TOÁN ĐỀ NGHỊ
XÉT CHỌN CUỘC KIỂM TOÁN CHẤT LƯỢNG VÀNG NĂM ...**

(Kèm theo Quy định về tiêu chí, thang điểm đánh giá và tiêu chuẩn xếp loại chất lượng thành viên, Tổ kiểm toán và Đoàn KTNN ban hành theo Quyết định số 1793/QĐ-KTNN ngày 04/11/2016 của Tổng KTNN)

TT	Chỉ tiêu	Số điểm
1	2	3
I	KTNN CHUYÊN NGÀNH (KHU VỰC)	
1	Cuộc kiểm toán	
	- Kế hoạch kiểm toán chi tiết	
	- Biên bản kiểm toán của Tổ kiểm toán và thông báo kết quả kiểm toán	
	- Nhật ký kiểm toán, tài liệu làm việc và bằng chứng kiểm toán	
	- Tuân thủ pháp luật và các quy định của KTNN, thực hiện Quy chế và hoạt động của Đoàn kiểm toán nhà nước, quy định về đạo đức nghề nghiệp và Quy tắc ứng xử của Kiểm toán nhà nước	
	- Quản lý và kiểm tra, soát xét hoạt động kiểm toán	
2	Cuộc kiểm toán	
...		
II	KTNN CHUYÊN NGÀNH (KHU VỰC)...	
...		

Hà Nội, ngàythángnăm

VỤ TRƯỞNG

(ký, ghi rõ họ tên)

KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC
VỤ TỔNG HỢP

**KẾT QUẢ CHẤM ĐIỂM CUỘC KIỂM TOÁN ĐỀ NGHỊ
XÉT CHỌN CUỘC KIỂM TOÁN CHẤT LƯỢNG VÀNG NĂM ...**

(Kèm theo Quy định về tiêu chí, thang điểm đánh giá và tiêu chuẩn xếp loại chất lượng thành viên, Tổ kiểm toán và Đoàn KTNN ban hành theo Quyết định số 1793/QĐ-KTNN ngày 04/11/2016 của Tổng KTNN)

TT	Chỉ tiêu	Số điểm
1	2	3
I	KTNN CHUYÊN NGÀNH (KHU VỰC) ...	
1	Cuộc kiểm toán	
	- Kế hoạch cuộc kiểm toán	
	- Báo cáo kiểm toán và thông báo kết quả kiểm toán	
	- Điểm thưởng	
	+ Thời gian phát hành Báo cáo kiểm toán	
	+ Cuộc kiểm toán có quy mô lớn và tính chất phức tạp	
	+ Cuộc kiểm toán mới (về đối tượng, nội dung, quy trình, phương pháp.); cuộc kiểm toán có phát hiện kiểm toán mới, đặc biệt quan trọng	
2	Cuộc kiểm toán	
	- Kế hoạch cuộc kiểm toán	
	- Báo cáo kiểm toán và thông báo kết quả kiểm toán	

	- Điểm thưởng	
	+ Thời gian phát hành Báo cáo kiểm toán	
	+ Cuộc kiểm toán có quy mô lớn và tính chất phức tạp	
	+ Cuộc kiểm toán mới (về đối tượng, nội dung, quy trình, phương pháp...); cuộc kiểm toán có phát hiện kiểm toán mới, đặc biệt quan trọng	
3	...	
...		
II	KTNN CHUYÊN NGÀNH (KHU VỰC) ...	
...		

Hà Nội, ngàythángnăm
VỤ TRƯỞNG
(ký, ghi rõ họ tên)

KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC
BAN THI ĐUA - KHEN THƯỞNG

TỔNG HỢP KẾT QUẢ CHẤM ĐIỂM CUỘC KIỂM TOÁN
ĐỀ NGHỊ XÉT CHỌN CUỘC KIỂM TOÁN CHẤT LƯỢNG VÀNG NĂM

(Kèm theo Quy định về tiêu chí, thang điểm đánh giá và tiêu chuẩn xếp loại chất lượng thành viên, Tổ kiểm toán và Đoàn KTNN ban hành theo Quyết định số 1793/QĐ-KTNN ngày 04/11/2016 của Tổng KTNN)

TT	Chỉ tiêu	Kết quả chấm điểm			
		Đoàn KTNN	KTNN CN/KV	Vụ Tổng hợp	Vụ CĐ và KSCLKT
I	KTNN CHUYÊN NGÀNH (KHU VỰC) ...				
1	Cuộc kiểm toán				
	- Kế hoạch cuộc kiểm toán				
	- Kế hoạch kiểm toán chi tiết				
	- Biên bản kiểm toán của Tổ kiểm toán và thông báo kết quả kiểm toán				
	- Báo cáo kiểm toán và thông báo kết quả kiểm toán				
	- Nhật ký kiểm toán, tài liệu làm việc và bằng chứng kiểm toán				
	- Tuân thủ pháp luật và các quy định của KTNN, thực hiện Quy chế và hoạt động của Đoàn kiểm toán nhà nước, quy định về đạo đức nghề nghiệp và Quy tắc ứng xử của Kiểm toán nhà nước				
	- Quản lý và kiểm tra, soát xét hoạt động kiểm toán				
	- Điểm thưởng				
	+ Thời gian phát hành Báo cáo kiểm toán sớm so với thời hạn quy định				

	+ Cuộc kiểm toán có quy mô lớn và tính chất phức tạp				
	+ Cuộc kiểm toán mới (về đối tượng, nội dung, quy trình, phương pháp...); cuộc kiểm toán có phát hiện kiểm toán mới, đặc biệt quan trọng				
	Tổng cộng				
	Xếp loại				
2	...				
...					
II	KTTN CHUYÊN NGÀNH (KHU VỰC)				
	...				
...					

Hà Nội, ngàytháng năm.....

TRƯỞNG BAN

(ký, ghi rõ họ tên)